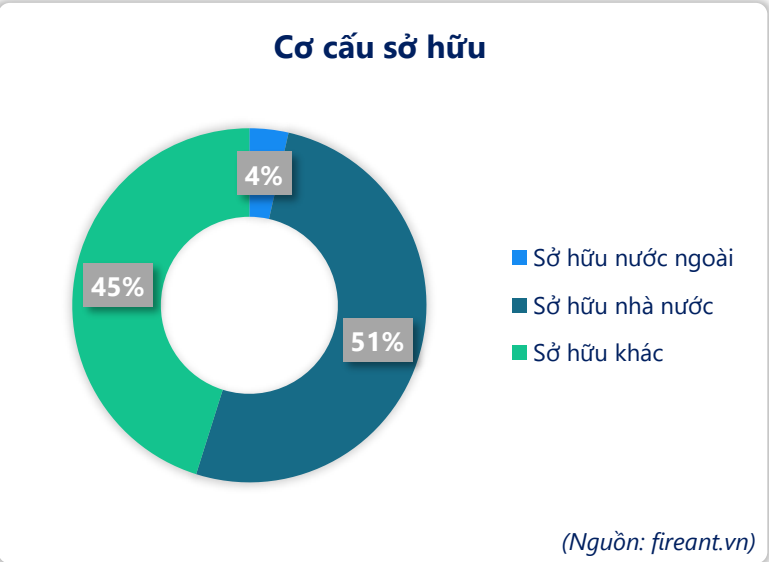
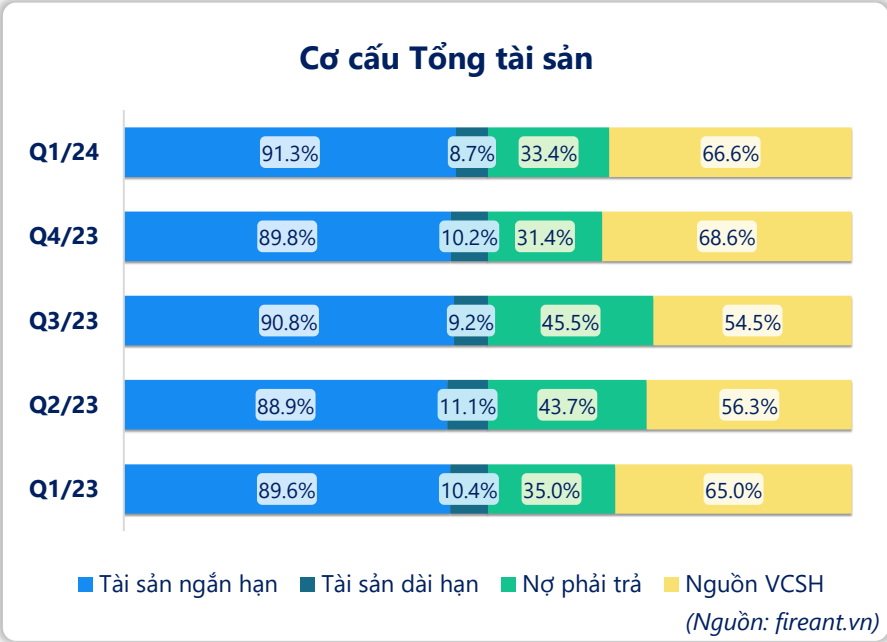
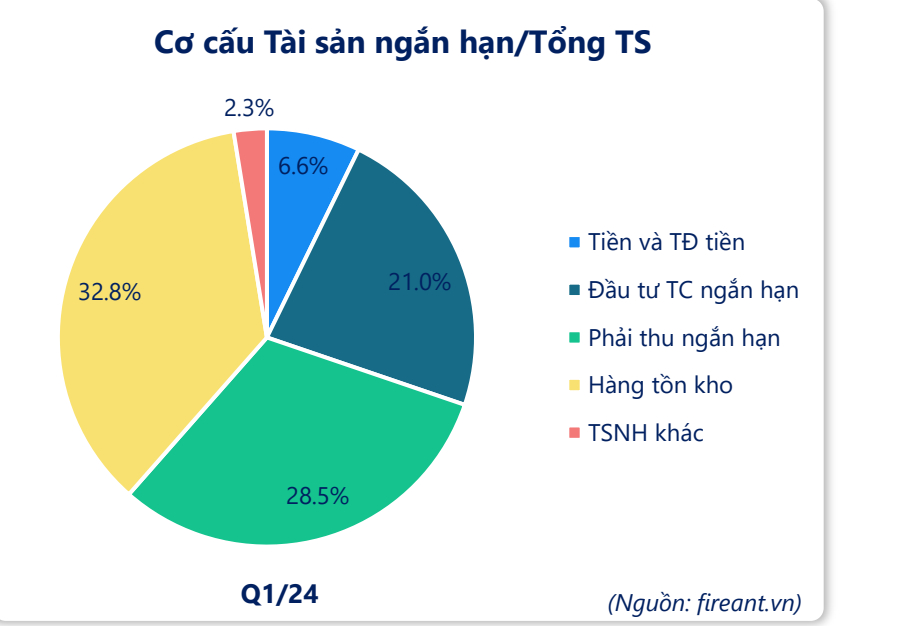
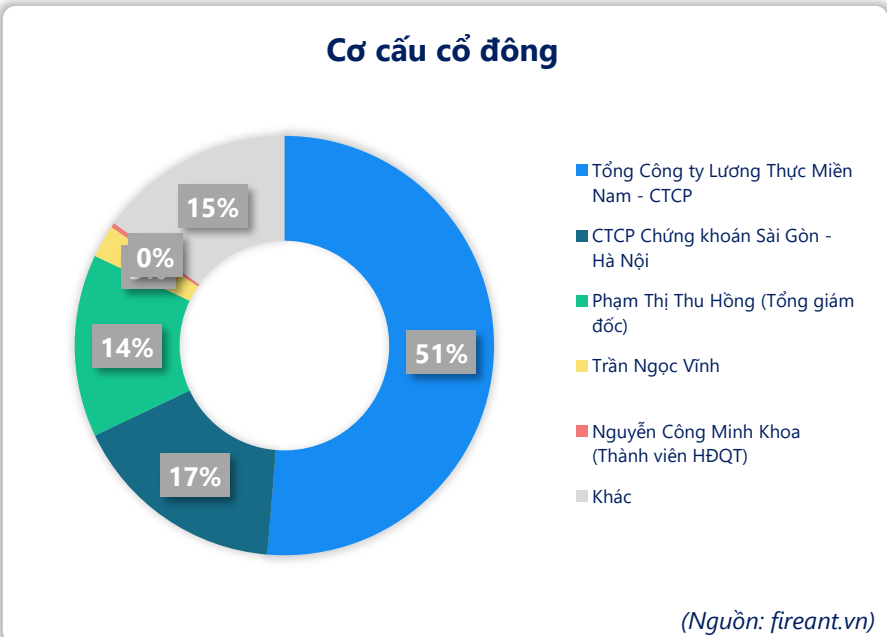
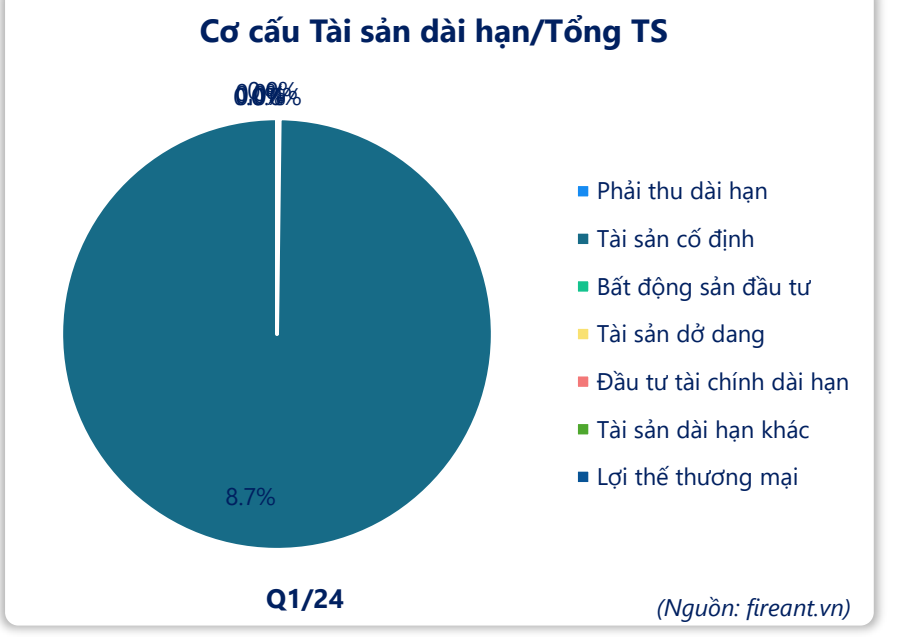
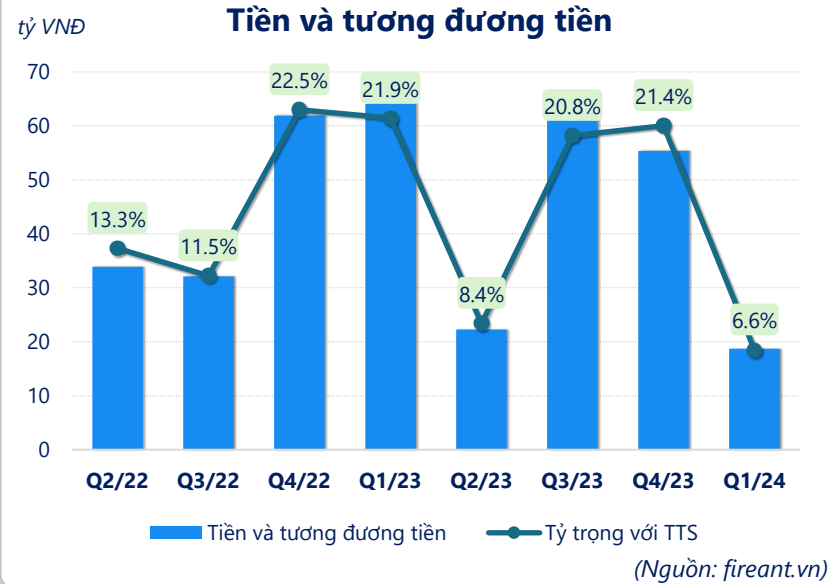
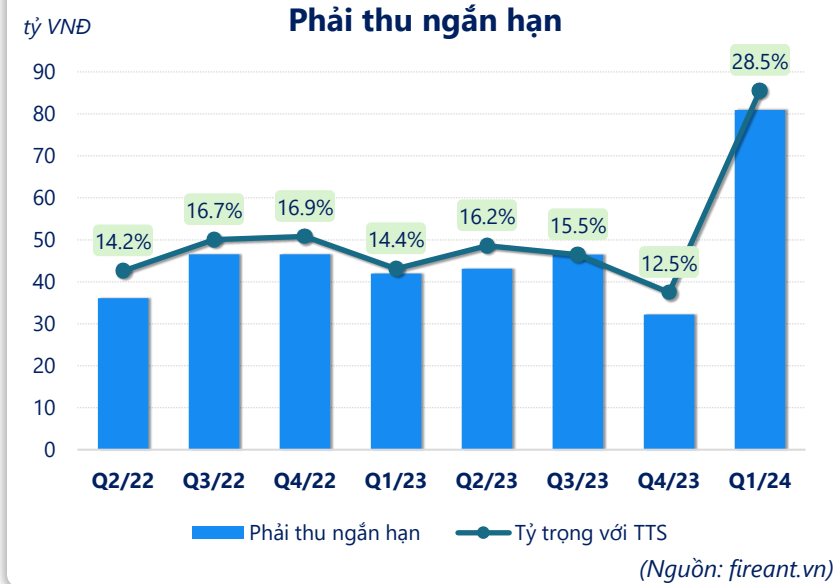
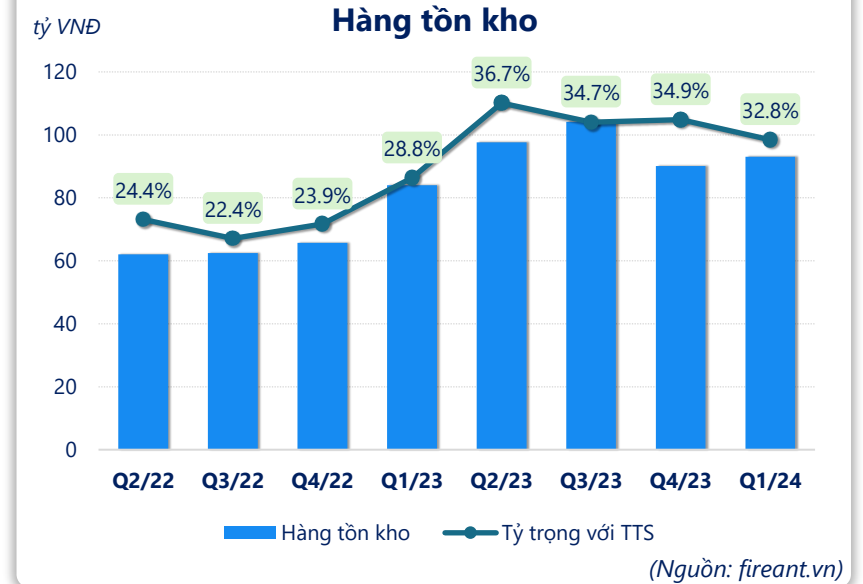
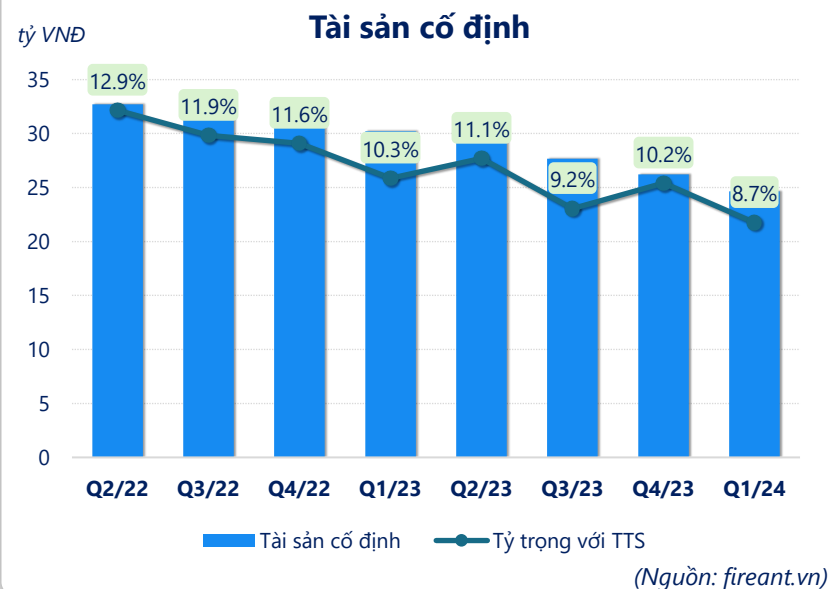
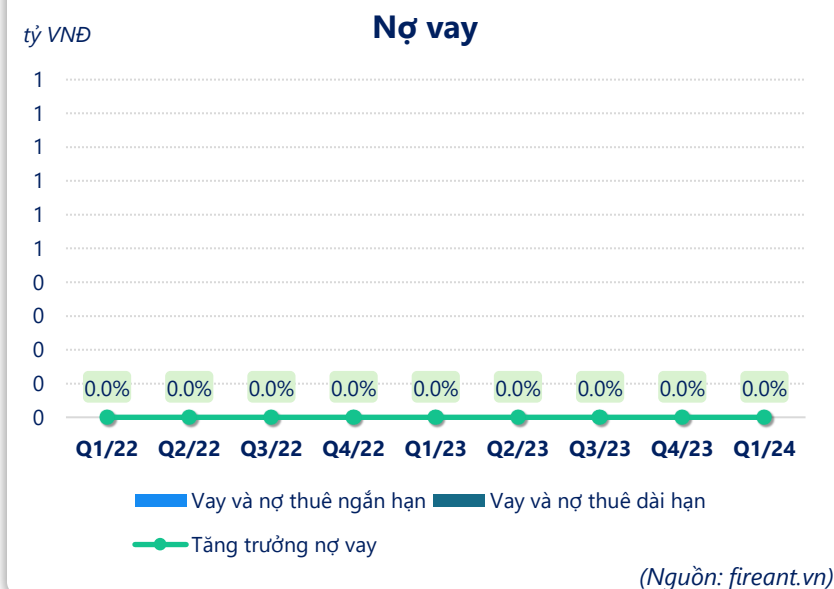
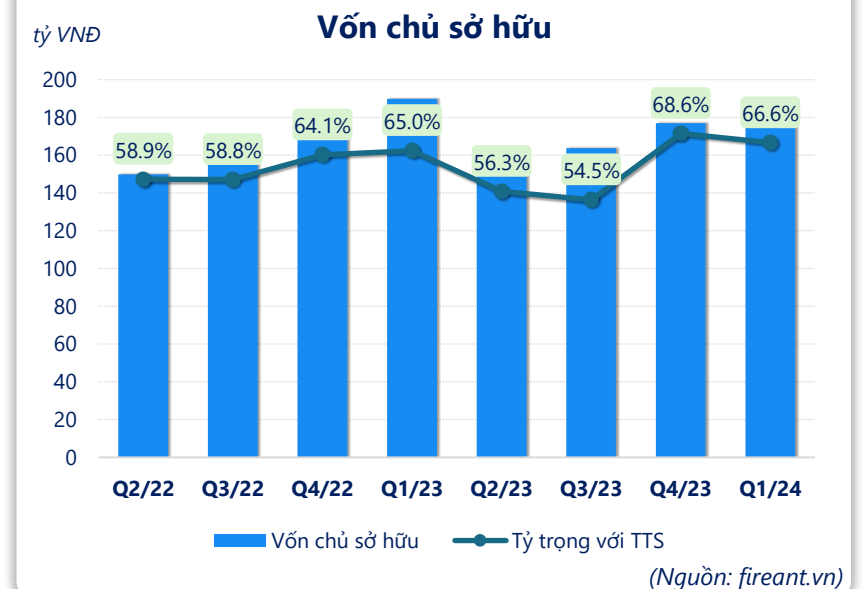
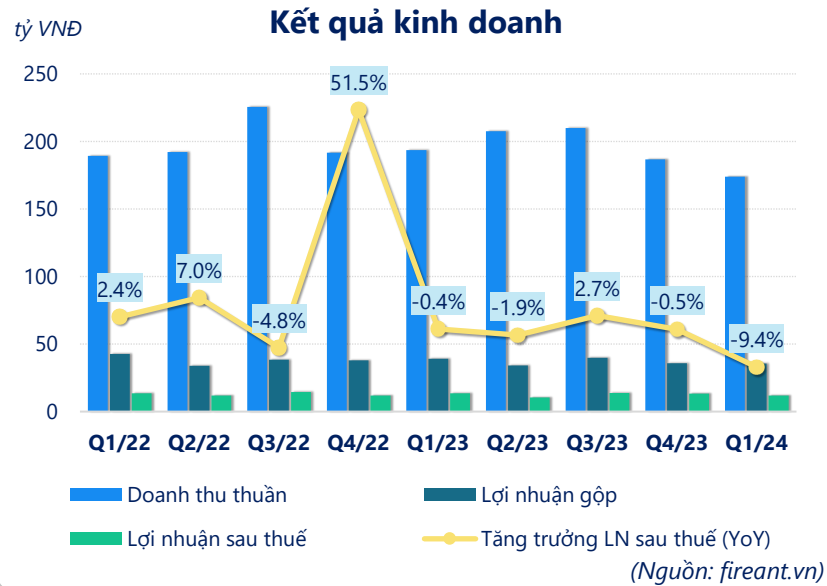
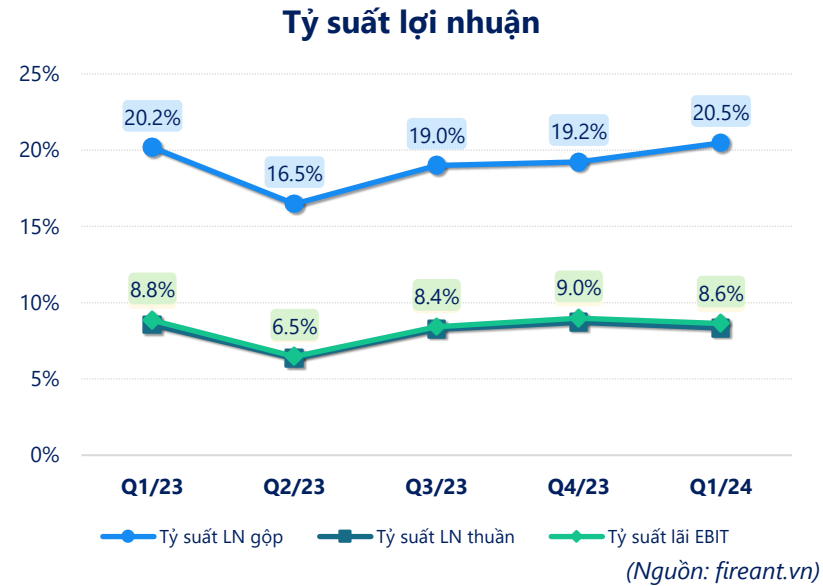
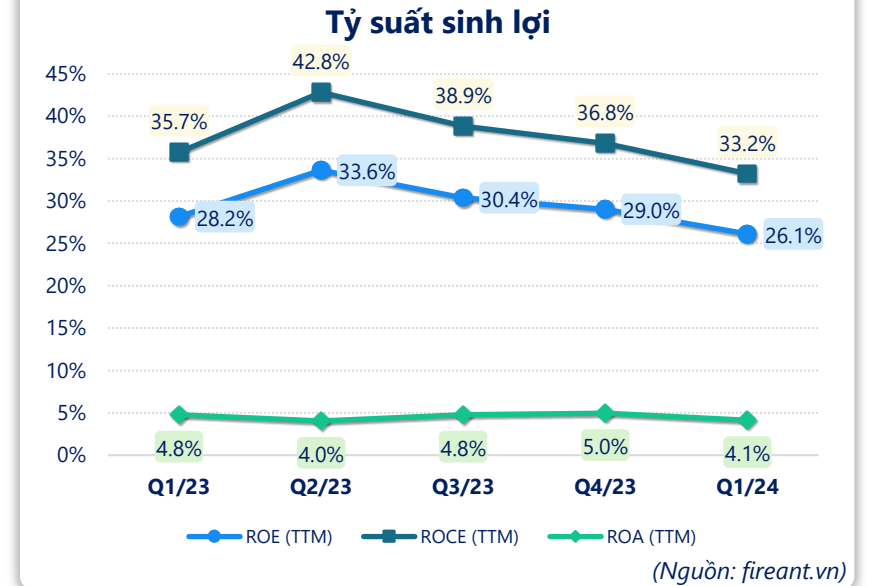
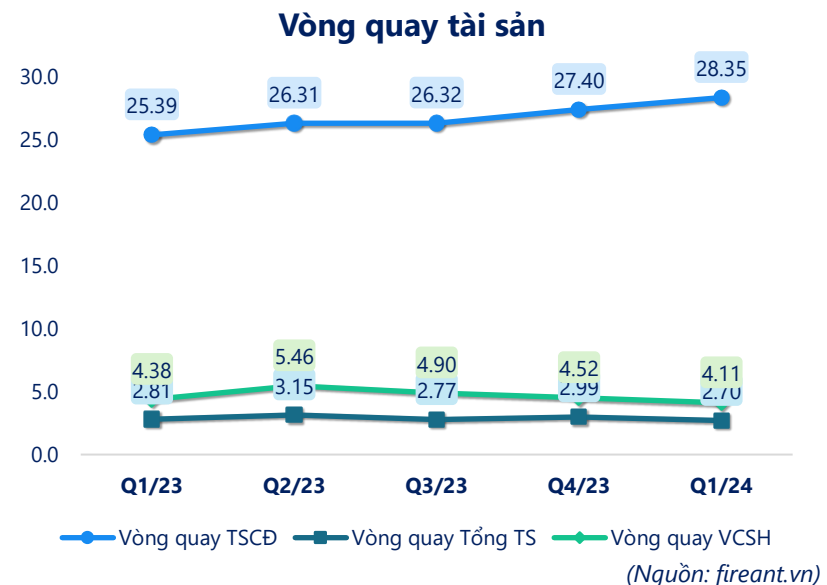
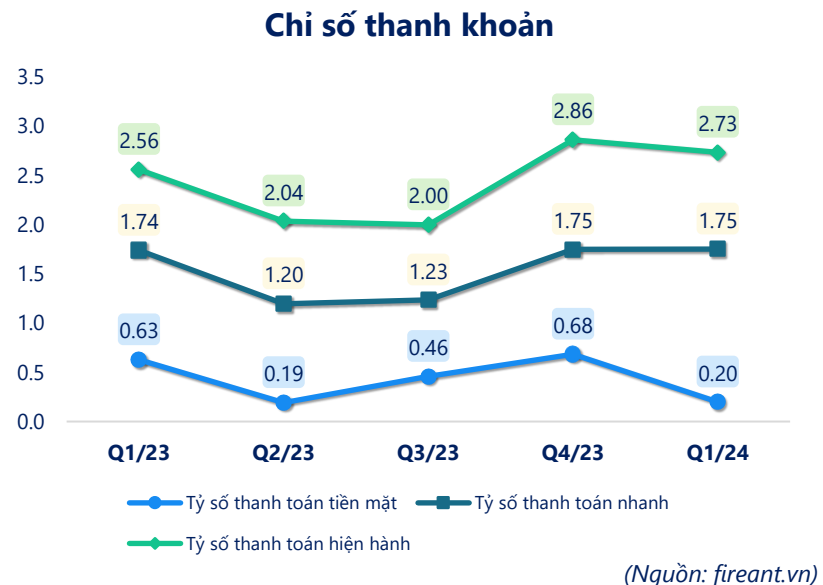
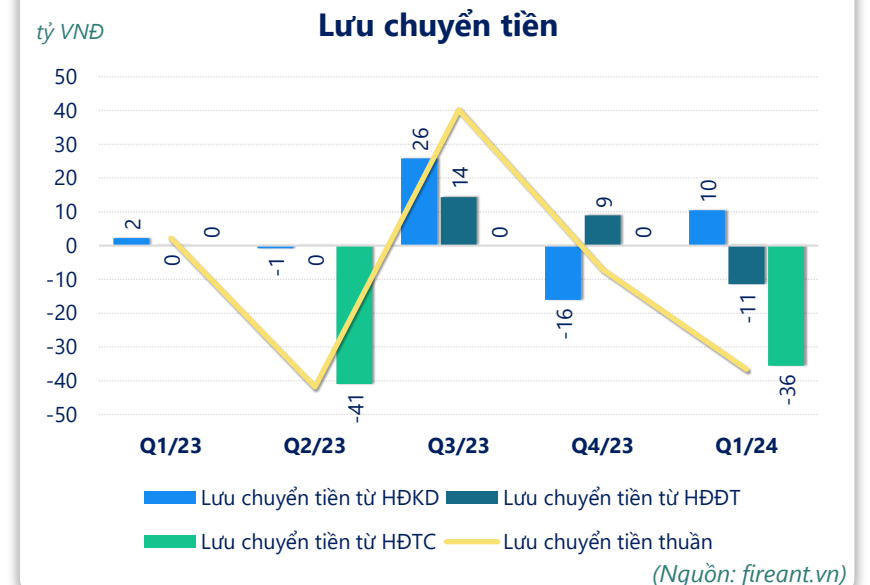


| Thông tin giao dịch     |  | 31/03/2024 |
|-------------------------|--|------------|
| Giá hiện tại (VNĐ)      |  | 60,900     |
| Cao nhất 52 tuần (VNĐ)  |  | 64,457     |
| Thấp nhất 52 tuần (VNĐ) |  | 41,775     |
| SL cổ phiếu LH          |  | 12,046,590 |
| KLGD BQ 20 phiên (CP)   |  | 6,734      |
| % sở hữu nước ngoài     |  | 3.6%       |
| Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)    |  |            |
| Vốn hóa (tỷ VNĐ)        |  | 734        |
| P/E                     |  | 14.8       |
| EPS                     |  | 4,104      |

|         | YTD   | 1T   | 3T    | 6T    |
|---------|-------|------|-------|-------|
| SAF     | 23.9% | 7.4% | 23.9% | 38.9% |
| VNINDEX | 13.5% | 1.8% | 14.4% | 11.3% |







| CÂN ĐỐI KẾ TOÁN<br>(tỷ VNĐ) | Tại ngày 31/3/2024 | Tại ngày 31/12/2023 | Thay đổi     |
|-----------------------------|--------------------|---------------------|--------------|
| <b>Tổng tài sản</b>         | <b>283</b>         | <b>258</b>          | <b>9.9%</b>  |
| <b>Tài sản ngắn hạn</b>     | <b>259</b>         | <b>232</b>          | <b>11.7%</b> |
| Tiền và tương đương tiền    | 18.7               | 55.3                | -66.2%       |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn   | 59.5               | 46.5                | 28.0%        |
| Phải thu ngắn hạn           | 80.9               | 32.2                | 151%         |
| Hàng tồn kho                | 93.0               | 90.1                | 3.3%         |
| Tài sản ngắn hạn khác       | 6.62               | 7.55                | -12.3%       |
| <b>Tài sản dài hạn</b>      | <b>24.7</b>        | <b>26.3</b>         | <b>-6.0%</b> |
| Phải thu dài hạn            | 0.05               | 0.05                | 0.0%         |
| Tài sản cố định             | 24.7               | 26.2                | -5.9%        |
| Bất động sản đầu tư         | 0                  | 0                   |              |
| Tài sản dở dang             | 0                  | 0                   |              |
| Đầu tư tài chính dài hạn    | 0                  | 0                   |              |
| Tài sản dài hạn khác        | 0                  | 0.01                | -100%        |
| Lợi thế thương mại          | 0                  | 0                   |              |
| <b>Nợ phải trả</b>          | <b>94.7</b>        | <b>81.0</b>         | <b>16.8%</b> |
| <b>Nợ ngắn hạn</b>          | <b>94.7</b>        | <b>81.0</b>         | <b>16.8%</b> |
| Vay và nợ thuê ngắn hạn     | 0                  | 0                   |              |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 19.3               | 3.84                | 403%         |
| <b>Nợ dài hạn</b>           | <b>0</b>           | <b>0</b>            |              |
| Vay và nợ thuê dài hạn      | 0                  | 0                   |              |
| <b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b> | <b>189</b>         | <b>177</b>          | <b>6.7%</b>  |
| <b>Vốn chủ sở hữu</b>       | <b>189</b>         | <b>177</b>          | <b>6.7%</b>  |
| Vốn điều lệ                 | 120                | 120                 | 0.0%         |
| <b>Kinh phí và quỹ khác</b> | <b>0</b>           | <b>0</b>            |              |

(Nguồn: fireant.vn)

| KẾT QUẢ KINH DOANH<br>(tỷ VNĐ) | Q1/23       | Q2/23       | Q3/23       | Q4/23       | Q1/24       |
|--------------------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|
| <b>Doanh thu thuần</b>         | 194         | 208         | 210         | 187         | 174         |
| Giá vốn hàng bán               | 155         | 173         | 170         | 151         | 138         |
| <b>Lợi nhuận gộp</b>           | <b>39.0</b> | <b>34.2</b> | <b>39.8</b> | <b>35.9</b> | <b>35.6</b> |
| Doanh thu HĐTC                 | 2.38        | 2.31        | 2.24        | 1.79        | 1.19        |
| Chi phí TC                     | 0.21        | 0.02        | 0.09        | 0.16        | 0.11        |
| <b>Chi phí lãi vay</b>         | <b>0</b>    | <b>0</b>    | <b>0</b>    | <b>0</b>    | <b>0</b>    |
| LN trong công ty LKLD          | 0           | 0           | 0           | 0           | 0           |
| Chi phí bán hàng               | 18.8        | 17.8        | 19.3        | 16.3        | 17.4        |
| Chi phí QLDN                   | 5.84        | 5.55        | 5.33        | 5.00        | 4.80        |
| <b>LN thuần từ HĐKD</b>        | <b>16.6</b> | <b>13.1</b> | <b>17.3</b> | <b>16.3</b> | <b>14.5</b> |
| Lợi nhuận khác                 | 0.56        | 0.27        | 0.34        | 0.51        | 0.52        |
| <b>LN trước thuế</b>           | <b>17.1</b> | <b>13.4</b> | <b>17.7</b> | <b>16.8</b> | <b>15.0</b> |
| <b>Lợi nhuận sau thuế</b>      | <b>13.6</b> | <b>10.5</b> | <b>13.8</b> | <b>13.2</b> | <b>11.9</b> |
| <b>LNST của CĐ cty mẹ</b>      | <b>13.6</b> | <b>10.5</b> | <b>13.8</b> | <b>13.2</b> | <b>11.9</b> |

(Nguồn: fireant.vn)

| LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ<br>(tỷ VNĐ) | Q1/23       | Q2/23        | Q3/23       | Q4/23        | Q1/24        |
|--------------------------------|-------------|--------------|-------------|--------------|--------------|
| Lưu chuyển tiền từ HĐKD        | 2.25        | -0.79        | 25.8        | -16.1        | 10.5         |
| Lưu chuyển tiền từ HĐĐT        | -0.03       | -0.05        | 14.4        | 8.98         | -11.5        |
| Lưu chuyển tiền từ HĐTC        | 0           | -41.0        | 0           | 0            | -35.6        |
| Tiền đầu kỳ                    | 61.8        | 64.1         | 22.2        | 62.4         | 55.3         |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần</b>   | <b>2.22</b> | <b>-41.8</b> | <b>40.2</b> | <b>-7.10</b> | <b>-36.6</b> |
| Ảnh hưởng tỷ giá               | 0.00        | 0.00         | -0.02       | 0.01         | 0.00         |
| Tiền cuối kỳ                   | 64.1        | 22.2         | 62.4        | 55.3         | 18.7         |

(Nguồn: fireant.vn)